

QUAN HỆ QUỐC TẾ

LÔI KÉO CÁC ĐỒNG MINH BẮC ĐẠI TÂY DƯƠNG

William Drozdiak

Thay đổi chiều hướng

Một trong những thách thức mang tính chiến lược quan trọng nhất đối với Tổng thống G. W. Bush trong nhiệm kỳ hai là xây dựng lại mối quan hệ đối tác xuyên Đại Tây dương. Thời gian qua, nước Mỹ đã gia tăng sự dính líu toàn cầu sau vụ khủng bố 11/9/2001, rải quân tại các điểm nóng ở Afghanistan và Iraq, và gánh chịu tình trạng thâm hụt trầm trọng đến mức nếu không thu hút được một lượng vốn lớn từ nước ngoài, Mỹ sẽ không thể ngăn được sự xuống giá của đồng đôla. Sau tất cả những điều đó, nước Mỹ nhận ra một thực tế không thể phủ nhận là: ngay cả siêu cường duy nhất trên thế giới cũng cần phải có đồng minh. Không thể có đủ quân đội cũng như ngân sách để định hình thế giới như mong muốn, nước Mỹ cần phải dùng đến cách thuyết phục về đạo lý chứ không phải sử dụng bạo lực nếu nó muốn thu phục sự đồng tình của các nước khác và củng cố sức mạnh to lớn của mình trong thế kỷ XXI.

Nước Mỹ thực hiện điều đó bắt đầu với hơn 40 quốc gia dân chủ trên khắp châu Âu. Mối quan hệ đồng minh Đại Tây dương đã bị tổn hại nghiêm trọng trong hơn 4 năm qua. Lòng tin của cả hai bên đã bị xói mòn do những xích mích trong cuộc chiến tranh Iraq và xu hướng hành động đơn phương ngày càng gia tăng của Chính quyền Washington, nhất là học thuyết đánh

đòn phủ đầu của Bush. Tuy nhiên, cùng lúc, việc cả NATO và EU đều mở rộng đã hàn gắn những rạn nứt cuối cùng của cuộc Chiến tranh lạnh, mở ra cơ hội để Washington có thể khôi phục lại mối quan hệ xuyên Đại Tây dương - một mối quan hệ đồng minh được cho là thành công nhất trong lịch sử.

Khi bước vào nhiệm kỳ hai, Tổng thống Bush cần chứng minh cho những người chỉ trích thấy rằng ông có thể tìm lại được giá trị của những người Cộng hòa theo chủ nghĩa quốc tế. Ông sẽ phải định hình lại mối quan hệ xuyên Đại Tây dương bằng cách thay thế mục tiêu thống nhất trong Chiến tranh lạnh bằng một quyết tâm chung nhằm chống lại chủ nghĩa khủng bố và sự phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt (WMD), đồng thời phải nắm lấy những sáng kiến mới nhằm đem lại hòa bình cho khu vực Trung Đông và làm lắng dịu cuộc khủng hoảng năng lượng tiềm tàng trên thế giới. Những căng thẳng giữa Mỹ và Châu Âu chỉ làm gia tăng sự bất ổn trên toàn cầu. Tuy nhiên cùng với nhau, các quốc gia này sẽ tạo nên một liên minh hùng mạnh giữa các nền dân chủ, có khả năng huy động được sự hậu thuẫn trên toàn thế giới trong hàng loạt những vấn đề quan trọng. Để đạt được mục tiêu chiến lược mới này, Mỹ và Châu Âu cần phải củng cố ba khía cạnh quan trọng trong mối quan hệ đồng minh của họ: quan hệ đối tác kinh tế, chiến lược an ninh và chính sách đối ngoại.

Kết hợp lợi ích

Việc đánh giá lại mối quan hệ đồng minh xuyên Đại Tây dương cần phải bắt đầu từ một tiền đề quan trọng nhưng thường bị bỏ qua, đó là: Mỹ và Châu Âu hiện vẫn là một cặp tuốc-bin trong nền kinh tế toàn cầu. Cả Mỹ và Châu Âu hiện đang chiếm hơn một nửa giá trị thương mại và các dòng đầu tư trên thế giới. Giá trị các giao dịch thương mại giữa hai bên đã vượt quá 2,5 nghìn tỷ USD một năm và tạo việc làm cho khoảng 12 triệu người lao động.

Trong vòng 8 năm qua, đầu tư của Mỹ vào Hà Lan cao gấp 2 lần đầu tư của nước này vào Mexico và gấp 10 lần vào Trung Quốc. Cũng trong thời gian đó, đầu tư của Châu Âu vào bang Texas nhiều hơn cả đầu tư của Mỹ vào Nhật Bản. Ngày nay, theo số liệu mới nhất từ Bộ Thương mại Hoa Kỳ, đầu tư của các doanh nghiệp Mỹ vào Tây Âu nhiều hơn đầu tư vào Trung Quốc tới 60%: 16,6 tỷ USD so với 10,3 tỷ USD. Ngược lại, Châu Âu đang chiếm tới 75% tổng giá trị đầu tư vào Mỹ, và tất nhiên đây đang là nguồn tạo việc làm lớn nhất cho người Mỹ: chỉ riêng tập đoàn công nghiệp khổng lồ Siemens của Đức đã thuê tới 70.000 nhân công người Mỹ.

Nguồn vốn đầu tư giữa hai bờ Đại Tây dương đã đem lại nhiều lợi nhuận. Trong năm 2003, trong khi các phương tiện truyền thông cho biết người Mỹ đã đổ rượu vang Bordeaux xuống cống để phản đối quan điểm của Paris trong cuộc chiến Iraq, thì liên hiệp các công ty Mỹ thấy rằng dòng vốn đầu tư từ Pháp vào Mỹ đạt 2,4 tỷ USD và lợi nhuận thu được từ nước này cũng đạt 1,7 tỷ USD, các con số cao nhất trong vòng gần một thập kỷ. Lợi nhuận mà các chi nhánh công ty Mỹ tại Châu Âu thu được đạt mức kỷ lục: 77 tỷ USD, và vốn đầu tư của Mỹ tại Châu Âu tăng lên 30%, đạt 87 tỷ USD. Các hãng công nghệ thông tin lớn của Mỹ như Microsoft và Intel dự đoán trong năm 2005, một nửa số lợi

nhuận thu được trên toàn cầu của họ sẽ là từ Châu Âu.

Do vậy, các nhà lãnh đạo giới kinh doanh Mỹ thấy rằng, toàn bộ 450 triệu người tiêu dùng giàu có của EU hiện vẫn đang là khu vực có sức mua mạnh nhất thế giới. Họ cũng cho rằng chỉ mục đích tư lợi về kinh tế cũng đủ là lý do khiến cho cả những người Cộng hòa và Dân chủ ở Mỹ muốn bảo vệ quan hệ đối tác Đại Tây dương - hơn nữa, sức mạnh kinh tế phối hợp của Mỹ và Châu Âu sẽ đem lại cho cả hai bên lực đẩy to lớn để giải quyết các thách thức lớn trên toàn cầu.

Mặc dù hoạt động đầu tư giữa hai bên đã đạt đến nhiều tỷ đôla, tuy nhiên mối quan hệ kinh tế Mỹ - Âu vẫn chưa phát huy hết tiềm năng. Hiện vẫn còn bốn thách thức lớn tồn tại. *Thứ nhất* là làm sao để chế ngự cuộc khủng hoảng việc làm đang ngày càng trầm trọng tại thế giới phương Tây (một phần là do hiện tượng nhập linh kiện phụ tùng sản xuất từ những nơi nhân công rẻ như Trung Quốc, Ấn Độ) mà không phải dùng tới những biện pháp bảo hộ khắc nghiệt đã từng gây ra cuộc Đại khủng hoảng. *Thứ hai*, là những nước tiêu thụ rất nhiều dầu mỏ, than và khí gas của thế giới, Mỹ và Châu Âu cần nhanh chóng tính đến chiến lược hợp tác về năng lượng và môi trường nhằm giảm bớt sự phụ thuộc của họ vào các nguồn nhiên liệu và giảm khí thải gây hiệu ứng nhà kính. *Thứ ba*, các nước này cần nhanh chóng kết thúc vòng đàm phán Doha về thương mại toàn cầu bằng việc chấp nhận cắt giảm phần lớn khoản trợ cấp nông nghiệp 300 tỷ USD đang gây tổn hại cho các nhà sản xuất tại nước đang phát triển và làm gia tăng sự bất bình đẳng giữa nước giàu với nước nghèo. *Cuối cùng*, các nước này cần xem xét việc cải cách hệ thống tài chính toàn cầu nhằm ngăn chặn một cuộc khủng hoảng đồng đôla và tính đến tầm quan trọng ngày càng tăng của đồng euro.

Một điều chắc chắn là Châu Âu và Mỹ cũng có những lúc chia rẽ trong các vấn đề thương mại; những căng thẳng thậm chí còn sâu sắc hơn khi EU mở rộng và gia tăng xu hướng đối đầu với Washington về vấn đề trợ cấp cho ngành hàng không, nguyên tắc chống độc quyền, thực phẩm sử dụng công nghệ sinh học, và vấn đề sinh sản vô tính. Tuy nhiên, quan hệ thương mại xuyên Đại Tây dương diễn ra vô cùng mạnh mẽ, và những lợi ích kinh tế to lớn của cả hai bên sẽ thúc đẩy việc tìm ra giải pháp hòa bình cho các vấn đề trên. Chẳng hạn trong cuộc chiến giữa Airbus và Boeing, một thực tế là cả hai đã thuê hàng nghìn nhân công từ cả hai bờ Đại Tây dương đã mở ra một hành lang rộng để đi đến thỏa hiệp nhằm duy trì việc làm và sự cạnh tranh lành mạnh. Do đó, bất chấp một số bất đồng không thể tránh khỏi, những lực lượng của toàn cầu hóa và thị trường cạnh tranh đang đẩy người Mỹ và người Âu xích lại gần nhau hơn chứ không phải rời xa nhau.

Thay đổi mục tiêu

Một nhiệm vụ khó khăn hơn là nối liền khoảng cách trong chính sách đối ngoại và an ninh của hai bên vốn đã bắt ngờ bị chia rẽ bởi những bất đồng trong cuộc chiến tranh Iraq. Nhưng cho dù cả hai bên đều có những ý định tốt đẹp nhất, điều đó có lẽ cũng chưa đủ để xóa đi những khác biệt hiện tại. Thực tế, những bất đồng sâu sắc về chủ nghĩa đơn phương và việc sử dụng vũ lực để phòng ngừa đã đặt ra một vấn đề phức tạp: Liệu Châu Âu và Mỹ có thể phát triển một chương trình chiến lược chung nhằm đối phó với những thách thức trong thế kỷ XXI, hay là họ sẽ vứt bỏ khái niệm phòng thủ tập thể, một di sản của Chiến tranh lạnh, và đi theo con đường riêng của mình?

Những căng thẳng trong lĩnh vực trên không có gì là mới mẻ. Hơn nữa

thế kỷ qua, kể từ khi NATO được thành lập nhằm ngăn chặn sự mở rộng của lực lượng Soviet, Mỹ và Châu Âu đã vượt qua nhiều biến cố đe dọa sự tồn tại của mối quan hệ đồng minh. Cuộc khủng hoảng tại kênh đào Suez, sự thù địch trong chiến tranh Việt Nam, việc Charles de Gaulle trục xuất quân đội NATO và quân đội Mỹ ra khỏi nước Pháp, và dư luận phản đối gay gắt việc Mỹ triển khai tên lửa Pershing và tên lửa đạn đạo tại Châu Âu trong những năm 1980, tất cả những sự kiện đó đã khiến người ta đi tới một dự đoán khắc nghiệt rằng quan hệ đồng minh phương Tây đang đứng trên bờ vực tan vỡ. Tuy nhiên, những cách biệt mới đây giữa hai bên còn có tính chất trầm trọng hơn. Trên thực tế, sự sụp đổ của Liên bang Soviet và cuộc tấn công khủng bố ngày 11/9 đã làm thay đổi sâu sắc một nhận định rằng Châu Âu và Mỹ có những lợi ích an ninh hoàn toàn khác biệt.

Trong suốt cuộc Chiến tranh lạnh, mỗi ngày người Châu Âu đều thức dậy với mối lo sợ rằng đất nước mình sẽ trở thành một trận địa cho các vũ khí hạt nhân của Mỹ và Liên Xô. Tuy nhiên, cơn ác mộng đó dần dần được xua tan với sự sụp đổ của bức tường Berlin vào ngày 9/11/1989. Ngày nay, lần đầu tiên trong rất nhiều thế hệ qua, người ta đã thôi không nghĩ đến những mối thù địch giữa Pháp và Đức. Trên thực tế, hai cuộc chiến tranh tàn phá thế giới đã khiến người Châu Âu trở nên vô cùng thận trọng trong việc sử dụng vũ lực đối với hầu hết các trường hợp. Trong khi đó, sự sụp đổ của Liên Xô, sự suy yếu của những xung đột gay gắt trên bán đảo Balkan, và thành công trong việc mở rộng NATO và EU về phía Trung và Đông Âu đã xóa bỏ tất cả những thách thức hữu hình đối với trật tự hòa bình trên lục địa này.

Sau ngày 11/9, chính người Mỹ lại đang cảm thấy họ bị rơi vào tình thế nguy hiểm. Chính bởi vậy, họ trở nên

dễ bị kích động trong việc sử dụng vũ lực, và họ ít khi ngần ngại khi sử dụng các đòn tấn công quân sự khủng khiếp của mình, đặc biệt là trong cuộc chiến chống khủng bố. Người Châu Âu thật ra vẫn chưa thấu hiểu hoàn toàn sự tổn thương của người Mỹ, một phần là bởi vì họ đang tận hưởng một thời kỳ thanh bình chưa từng có trong lịch sử ở phía bên này của Đại Tây dương. Lo ngại sẽ phá vỡ sự ổn định hiện nay, nhiều nước Châu Âu trở nên miễn cưỡng khi bị lôi kéo dính líu vào những cuộc xung đột không rõ ràng, thiếu cân nhắc tại Iraq hay Iran do những cam kết quân sự rắc rối với Hoa Kỳ. Ngoài ra những người Châu Âu cũng không tán thành đường lối lãnh đạo của Bush, do đó họ đang đặt vấn đề xem xét lại tính đúng đắn của việc giao phó quân đội của mình cho một chương trình an ninh do Washington hoạch định. Như vậy, dù Tổng thống Mỹ có thiện chí đến như thế nào đối với các đồng minh Châu Âu thì ông ta cũng vẫn không thể khiến Châu Âu tuân phục sự lãnh đạo của Mỹ như tình trạng đã tồn tại hàng nửa thế kỷ sau Chiến tranh Thế giới II.

Tuy nhiên, sự chia cắt trong mối quan hệ xuyên Đại Tây dương không phải là không thể hàn gắn. Một cuộc thăm dò dư luận mới đây do Quỹ German Marshall của Mỹ tổ chức vào tháng 6/2004 cho thấy, lần đầu tiên kể từ sau cuộc bầu cử Tổng thống năm 2001, 58% trong số 10.000 người Châu Âu được phỏng vấn tại 9 quốc gia bày tỏ họ không mong muốn một sự lãnh đạo chủ chốt của Mỹ trên thế giới. Cũng trong thời gian đó, cuộc thăm dò về Xu hướng xuyên Đại Tây dương cho thấy 79% trong số gần 4.000 người Mỹ được phỏng vấn mong muốn EU thể hiện vai trò lãnh đạo lớn hơn trên toàn cầu. Tổng kết lại, các kết quả trên phản ánh hai xu hướng xuất hiện đồng thời: sự thiếu tin tưởng của Châu Âu vào khả năng quản lý các vấn đề toàn cầu

của Mỹ, và sự ủng hộ của người Mỹ nói chung về một đối tác EU có khả năng quyết đoán cao hơn. Những điều này cho thấy rằng chính quyền mới của Mỹ sẽ có một cơ hội lớn để xây dựng mối quan hệ đối tác xuyên Đại Tây dương hợp lý hơn, với sự ủng hộ của cả cử tri Mỹ, những người không còn muốn một mình giữ gìn trật tự thế giới, và của người Châu Âu, những người mong muốn hạn chế bớt quyền lực của Mỹ.

Những thay đổi về thể chế hiện nay ở Châu Âu sẽ làm công việc của Washington thêm phức tạp. Cuộc đối thoại giữa Châu Âu với Hoa Kỳ về các vấn đề cấp thiết toàn cầu đã bị trì hoãn bởi cuộc tranh luận của các nước EU về vấn đề phê chuẩn Hiến pháp Châu Âu và có nên tiếp tục mở rộng hay không. Cuộc tranh luận trước đây về "Châu Âu là gì?" - giữa những người theo chủ nghĩa liên bang chủ trương thành lập một Hợp chủng quốc Châu Âu với những người theo chủ nghĩa dân tộc ủng hộ một liên minh lỏng lẻo hơn, trong đó chủ quyền dân tộc vẫn được đề cao - đã được thay thế bởi cuộc tranh luận nóng bỏng về "Châu Âu là nơi nào?". Romania và Bulgaria đang dự định gia nhập EU vào năm 2007, tiếp theo là Thổ Nhĩ Kỳ chuẩn bị đàm phán gia nhập. Châu Âu đang chịu áp lực phải xác định rõ ràng rằng liệu họ có chấp nhận đánh mất những neo buộc truyền thống khi kết nạp thêm 75 triệu dân Hồi giáo của Thổ Nhĩ Kỳ và kéo dài Châu Âu tới biên giới Trung Đông.

Hơn nữa, một điều cần phải xem xét là khi NATO đảm nhận trách nhiệm chỉ huy các hoạt động gìn giữ hòa bình quốc tế tại Afghanistan, nó đã di chuyển quá xa khỏi phạm vi hoạt động truyền thống của mình. Việc mở rộng quyền hạn của NATO như vậy có thể gây ra bất đồng, đặc biệt là giữa NATO và EU, cho dù cả 19 quốc gia Châu Âu đều tham gia trong cả hai tổ chức này.

Chẳng hạn, các nước thành viên hiện nay đang đấu tranh để dung hòa những quan điểm đối lập của Nga. Các nước Cộng hòa thuộc Liên Xô cũ và các nước Đông Âu có ý lo ngại khi họ đang ngày càng xích gần hơn tới kẻ chiếm đóng quốc gia trước đây tại Kremlin. Trong khi đó, Chính phủ Pháp và Đức đang rất mong muốn có được sự hậu thuẫn của Tổng thống Nga Vladimir Putin và mở rộng khả năng tiếp cận nguồn cung cấp dầu mỏ và khí gas của Nga.

Tuy nhiên, những thay đổi cơ cấu của Châu Âu đã đem lại cho Washington cơ hội có một không hai nhằm định hình lại chương trình nghị sự về các vấn đề an ninh cho mối quan hệ đồng minh xuyên Đại Tây dương trong thế kỷ này. Trong hơn nửa thế kỷ qua, mục tiêu trọng điểm trong chính sách đối ngoại của Mỹ là ngăn chặn sự mở rộng của Liên bang Xô viết và các nước đồng minh sang khu vực Tây Âu, và biến Châu Âu thành một khu vực thống nhất và tự do. Ngày nay, khi những mục tiêu trên đã hoàn thành, Mỹ cần nhận thức được rằng những lợi ích an ninh của mình trong hiện tại và tương lai sẽ được thực hiện tốt nhất nếu nó có thể khiến Châu Âu trở thành một đối tác hoàn toàn có đủ khả năng kiểm soát các vấn đề toàn cầu.

Cho dù các vấn đề như tình trạng bạo loạn ở Iraq và ngược đãi tù nhân ở nhà tù Abu Ghraib và Guantánamo đã làm tổn hại tới hình ảnh của Washington, nhưng người Châu Âu vẫn phải miễn cưỡng thừa nhận rằng nước Mỹ không được phép thất bại trong hoạt động tái thiết Afghanistan và Iraq, cũng như việc đem lại dân chủ cho khu vực Trung Đông. Chính quyền Bush vẫn có thể dựa vào sự ủng hộ to lớn từ Anh, cũng như từ Ba Lan, các nước Baltic, và các nền dân chủ mới tại Trung và Đông Âu. Tuy nhiên ngay tại các nước này, thái độ thiện chí của công chúng cũng đang suy giảm rất nhanh.

Washington chỉ có thể duy trì được sự ủng hộ tại đây nếu họ xem xét lại cách thức tổ chức mối quan hệ xuyên Đại Tây dương, trong đó phải quan tâm hơn tới sự nhạy cảm về địa lý, nhu cầu an ninh và các lợi ích đối ngoại riêng của các nước Châu Âu. Trong một số trường hợp, Mỹ nên từ bỏ quyền chủ động trong một số vấn đề an ninh khu vực nhằm tạo điều kiện cho Châu Âu thực hiện những mục tiêu và trách nhiệm toàn cầu lớn hơn hiện nay.

Ngay cả giới phê bình ở Châu Âu cũng thừa nhận rằng các quốc gia Châu Âu đã đạt được thành công to lớn trong hoạt động bình ổn một châu lục đã liên tục bị khuấy động bởi chiến tranh trong một thời gian dài - trước hết là bằng việc hòa giải Pháp và Đức, sau đó là kết nạp các nước theo chế độ cộng sản cũ vào một thị trường thống nhất và một khu vực an ninh chung trong NATO. Tuy nhiên, khi mà Châu Âu hầu như đã được giải thoát khỏi những mối đe dọa cần đến sự can thiệp mạnh mẽ của Mỹ, những người theo chủ nghĩa hoài nghi ở Mỹ - nhất là phái tân bảo thủ cho rằng Châu Âu hiện không còn chung thế giới quan với Mỹ - thấy rằng quan hệ đồng minh Đại Tây dương không nên được coi là một ưu tiên quan trọng trong chính sách đối ngoại của Mỹ nữa. Họ cho rằng đúng ra không cần quan tâm nhiều đến Châu Âu, bởi các nước này đã tỏ ra miễn cưỡng trong việc thực thi sức mạnh chính trị và quân sự sao cho tương xứng với tiềm lực kinh tế của họ để giúp Mỹ đương đầu với mối đe dọa mới của chủ nghĩa khủng bố trong thế giới Hồi giáo. Coi thường những thủ tục nặng nề tẻ ngắt trong EU, những người này còn gọi Javier Solana, đại diện cấp cao của EU về vấn đề chính sách đối ngoại và an ninh, là "đại diện cấp cao của mẫu số chung nhỏ nhất".

Dù sao đi nữa, giới chỉ trích ở Mỹ đã không hoàn toàn công bằng, và cũng

không nhận thấy rằng họ đã quan trọng hóa một số vấn đề. Solana, người có thể trở thành Bộ trưởng Ngoại giao đầu tiên của EU theo Hiến pháp, đã nhận thức được rằng Châu Âu cần phải có một lập trường cứng rắn và tích cực hơn nhằm chống lại mối đe dọa của chủ nghĩa Hồi giáo cực đoan, chứ không phải chỉ đứng ngoài lề mà phê phán chính sách của Mỹ. Ông đã tuyên bố rằng EU đang nỗ lực nhằm phối hợp chính sách đối ngoại và an ninh với Mỹ. Tháng 12/2003, lãnh đạo các nước Châu Âu đã nhất trí tán thành một kế hoạch an ninh mới, trong đó đặt ưu tiên cao hơn cho việc triển khai sức mạnh quân sự tại nước ngoài như là một biện pháp phòng thủ tích cực chống lại mối đe dọa từ chủ nghĩa khủng bố và WMD. Các nước này cũng đồng ý phát triển hơn nữa lực lượng tình báo, hợp tác chặt chẽ hơn trong hoạt động chống khủng bố, và cho ban hành quyền bắt giữ trên toàn Châu Âu nhằm tạo thuận lợi cho việc dẫn độ các đối tượng tình nghi khủng bố. Trong khi Châu Âu đang tăng cường khả năng đối phó với các thách thức toàn cầu, Mỹ sẽ thấy rằng họ có thể sử dụng các nguồn lực của mình một cách hiệu quả nếu phối hợp với một đối tác Châu Âu lớn mạnh hơn.

Gìn giữ hòa bình khu vực

Cả Mỹ và Châu Âu có thể tìm thấy nền tảng chung rộng hơn cho chính sách đối ngoại. Mặc dù tại Châu Âu còn có nhiều thái độ khác nhau đối với sự can thiệp của Mỹ vào Iraq, nhưng nói chung các nước trong EU vẫn duy trì sự ủng hộ to lớn trong việc hợp tác chặt chẽ hơn với Washington. Chẳng hạn, trước đây Solana vẫn tiếp tục làm việc với Ngoại trưởng Mỹ Colin Powell nhằm duy trì hoạt động gìn giữ hòa bình ở bán đảo Balkans và Trung Đông. Mặc dù tình trạng ở Kosovo vẫn chưa được giải quyết và kế hoạch kiến tạo hòa bình giữa người Israel và người

Palestine vẫn còn chưa định hình, nhưng trong cả hai vấn đề trên đều thể hiện một số bước tiến trong quan hệ hợp tác xuyên Đại Tây dương. Người kế nhiệm Powell, Condoleezza Rice, đã tạo nên những tiến triển mới, chẳng hạn như việc Châu Âu đảm nhận sứ mệnh gìn giữ hòa bình ở Balkans và tìm kiếm người lãnh đạo Palestine sau cái chết của Yasir Arafat.

Mỹ và Châu Âu hoàn toàn có thể phối hợp chính sách đối ngoại với nhau. Châu Âu có xu hướng đưa ra các đề xuất phát triển quan hệ ngoại giao, trong khi Mỹ thiên về việc đe dọa sử dụng vũ lực. Việc phối hợp chính sách ngoại giao sẽ giúp Châu Âu thực hiện được mục tiêu đóng một vai trò quyết đoán hơn trong các vấn đề quốc tế, trong khi vẫn khuyến khích Châu Âu phối hợp hoạt động chặt chẽ với Mỹ. Đồng thời, bằng việc đưa ra một mặt trận thống nhất, giềng dây Mỹ có thể hợp pháp hóa mọi hành động của mình, chứ không bị coi là xem thường luật pháp quốc tế như những hành động sử dụng vũ lực đơn phương của Chính quyền Bush trước đây.

Washington nên để cho các nước đồng minh của mình tại Châu Âu được nắm quyền chủ động đưa ra các đề xuất chính sách mới trong khu vực, nơi họ vốn có ảnh hưởng lớn hơn hoặc có những mối liên hệ sâu sắc hơn trong lịch sử. Chẳng hạn trong trường hợp của Iran. Chính quyền Bush không tin tưởng gì vào lời tuyên bố của Iran rằng các hoạt động phát triển hạt nhân của họ chỉ nhằm mục đích hòa bình, trong khi đó Mỹ lại thúc đẩy Châu Âu thực hiện một nỗ lực cuối cùng nhằm thuyết phục Tehran ngừng chương trình làm giàu uranium và trấn an thế giới rằng không phải họ đang sản xuất vũ khí hạt nhân. Các nhà ngoại giao Châu Âu cho biết nếu Iran từ chối đề nghị đầy thiện chí của Châu Âu, bao gồm việc thúc đẩy thương mại và đảm bảo nguồn cung cấp

năng lượng hạt nhân, EU sẽ buộc phải đi tới ủng hộ biện pháp cấm vận của Liên hiệp quốc do Mỹ đề xuất. Như vậy, sự phối hợp giữa biện pháp ngoại giao của Châu Âu và đe dọa áp dụng cấm vận của Mỹ đã đem lại hy vọng rằng cuối cùng Iran sẽ thực hiện đúng thỏa thuận của họ về việc ngừng tất cả các hoạt động làm giàu uranium.

Khi Châu Âu thực hiện một vai trò tích cực hơn, điều đó sẽ có tác dụng tích cực nhằm xây dựng nền hòa bình giữa Israel và Palestine. Lâu nay, Mỹ vẫn được coi là thế lực bên ngoài duy nhất có khả năng khiến Israel đưa ra những nhượng bộ quan trọng - trong đó có cả việc dỡ bỏ khu định cư ở bờ Tây và dải Gaza - còn Châu Âu đảm nhiệm việc cứu trợ nhân đạo và hỗ trợ tài chính cho người Palestine. Việc EU phát huy vai trò tích cực hơn và đề xuất hỗ trợ về thương mại và tài chính cho Israel có thể giúp hai bên quay trở lại bàn đàm phán. Như vậy, cho dù có mối liên hệ chặt chẽ về an ninh với Mỹ, Israel vẫn coi EU là đối tác kinh tế quan trọng nhất của mình.

Việc chia sẻ gánh nặng ngoại giao sẽ giúp Mỹ giải thoát phần nào trách nhiệm nặng nề trong hoạt động gìn giữ hòa bình trong khu vực. Điều đó còn giúp Châu Âu không bị mang tiếng là "ỷ lại", theo ý kiến một số nhà phê bình, bởi đôi khi họ né tránh các vấn đề khó khăn cần sử dụng đến quân sự vì biết rằng thế nào quân đội Mỹ cũng sẽ can thiệp. Sự chuyển giao trách nhiệm này đang được thực hiện trên bán đảo Balkans khi EU sẽ đảm nhiệm mọi hoạt động gìn giữ hòa bình quốc tế tại khu vực này.

Việc điều chỉnh trách nhiệm như trên sẽ còn tiếp tục diễn ra. Trên thực tế, trong bối cảnh hậu Chiến tranh lạnh, Châu Âu đã có sự điều chỉnh lực lượng quân sự của mình hiệu quả hơn người Mỹ. Mỹ hiện có khoảng 1,4 triệu quân nhân, trong đó có khoảng

400.000 quân sẵn sàng cho việc triển khai ở nước ngoài. Còn 25 nước Châu Âu có 1,9 triệu quân, và mặc dù hiện nay chỉ có khoảng 50.000 quân sẵn sàng chiến đấu ở nước ngoài, nhưng con số này có thể tăng lên đến 200.000 quân trong vòng một thập kỷ tới. Ngân quỹ hàng năm dành cho quân sự của các thành viên EU là 175 tỷ USD, có thể không đáng kể khi so sánh với 500 tỷ USD ngân sách chi cho quân sự của Mỹ năm 2004, nhưng nó đã vượt quá tổng ngân sách quân sự của ba nước Trung Quốc, Nhật Bản và Nga.

Thêm vào đó, Châu Âu đã triển khai một số dự án quan trọng nhằm khắc phục những nhược điểm về quân sự của mình, đồng thời trang bị thêm cho quân đội một phi đội vận chuyển quân dụng tầm xa, một hệ thống do thám vệ tinh tự động, các vũ khí định vị chính xác và hàng trăm trực thăng quân dụng hạng nhẹ. Hiện đang có 15.000 quân thuộc 15 nước Châu Âu thành viên NATO có mặt tại Iraq và 7.000 quân tham gia lực lượng gìn giữ hòa bình của NATO tại Afghanistan. Tại Balkans, hiện có 30.000 quân Châu Âu đảm nhận nhiệm vụ gìn giữ hòa bình ở hầu hết các điểm nóng trong khu vực, kể cả Albania, Bosnia, Kosovo và Macedonia, vượt quá số quân Mỹ có mặt tại đây. Các nhiệm vụ quân sự trong tương lai sẽ cần đến lực lượng tuần tra đường phố nhiều hơn là quân đội sử dụng hỏa lực, bởi vậy một lực lượng cảnh sát hùng hậu gồm 5.000 quân của EU đã được thành lập để thực hiện nhiệm vụ gìn giữ hòa bình ở nước ngoài. Từ năm 2003, EU đã chỉ huy thực hiện nhiệm vụ này tại ba quốc gia là Cộng hòa Dân chủ Congo, Bosnia và Macedonia.

Sau thời kỳ căng thẳng

Chris Patten, Ủy viên hội đồng về các vấn đề đối ngoại của EU đã phát biểu trước Quốc hội châu Âu vào tháng 9 rằng "nếu bạn muốn nhận được sự cố

vũ không quá đắt giá từ Mỹ, thì tất cả những gì bạn phải làm là chỉ trích Liên hiệp quốc, hoặc người Pháp, hoặc chính tư tưởng cho rằng các nước đồng minh có quyền có quan điểm riêng.” Đồng thời, ông còn nói, người châu Âu nghĩ rằng công kích sự hiếu chiến của Washington thì họ sẽ không phải xác định lại chính sách ngoại giao của mình. Ông khuyến cáo rằng “trên thế giới không nên để xảy ra tình trạng một bên thì quá kích động, còn bên kia thì lại tỏ vẻ ta đây”.

Mặc dù vẫn sẽ tồn tại những bất đồng quan điểm lớn, nhưng nếu chỉ vì quan điểm chính trị, họ không nên phá rối cam kết hợp tác của các nước đồng minh. Châu Âu sẽ tiếp tục lên án quan điểm trừng phạt kinh tế và can thiệp vào chủ nghĩa dân tộc tôn giáo của Mỹ, và người Mỹ sẽ vẫn chỉ trích các chương trình phúc lợi xã hội quá hào phóng của châu Âu và những quy định thị trường ngặt nghèo. Tuy nhiên, dựa vào các nguồn lực kinh tế, chính trị và quân sự dồi dào, qua cuộc khủng hoảng hiện thời Mỹ và EU cần phải nắm lấy cơ hội để tiếp thêm sinh lực cho liên minh của mình. Để quan hệ đối tác Đại Tây dương bước sang giai đoạn mới, các nước đồng minh phải tìm lại sự tôn trọng lẫn nhau, cố gắng hòa giải các bất đồng hơn là chỉ trích những động cơ của nhau.

Việc các chính quyền mới hiện đang tới Washington và Brussel với các chương trình nghị sự toàn cầu đã tạo ra một cơ hội không ngờ để khôi phục lại quan hệ hợp tác tốt đẹp giữa Mỹ và EU. Tổng thống Bush bắt đầu nhiệm kỳ mới của mình với hình ảnh một nước Mỹ bị lu mờ hơn bất kỳ thời điểm nào trong

lịch sử gần đây, khi ông quyết định các ưu tiên và xem xét lại toàn bộ đội ngũ an ninh nội địa. Mặc dù hầu hết các nước châu Âu hoài nghi về cam kết của Mỹ với liên minh, nhưng Bush vẫn có thể hy vọng vào sự ủng hộ vững chắc của Thủ tướng Anh Tony Blair và quan điểm ủng hộ Đại Tây dương của hội đồng điều hành EU mới do nguyên Thủ tướng Bồ Đào Nha, José Manuel Barroso lãnh đạo. Những sự ủng hộ có thể giúp các nhà lãnh đạo Mỹ và EU ghi nhớ rằng liên minh xuyên Đại Tây dương vẫn là nền tảng chủ yếu của trật tự thế giới, có thể và nên được củng cố bằng sự kết hợp giữa sức mạnh quân sự Mỹ và tính hợp pháp của các hoạt động ngoại giao của nhiều nền dân chủ châu Âu. Một trong những khẩu hiệu chính của Chính quyền Bush nhiệm kỳ đầu cho rằng sứ mệnh quyết định liên minh. Hiện giờ, Bush đang làm mọi việc nhằm tạo dấu ấn lịch sử - hơn là trên cương vị tổng thống, vì vậy ông sẽ sửa lại khẩu hiệu này. Nhiệm kỳ thứ hai của Bush sẽ thành công hơn nếu nhận ra tầm quan trọng của việc giành được sự ủng hộ của các quốc gia liên minh truyền thống của Mỹ trước khi thực hiện sứ mệnh ở nước ngoài ■

Chú thích:

* William Drozdiak là Chủ tịch mới của Hội đồng Mỹ về vấn đề nước Đức tại thành phố New York. Trước đây ông là Giám đốc Điều hành Trung tâm hợp tác Xuyên Đại Tây dương của Quỹ Marshall tại Brussels.

Người dịch: Ngô Phương Nga

Nguồn: *Foreign Affairs*, Volume 84 No.1, Jan/Feb 2005.